



Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Department of Economic Affairs FDEA
State Secretariat for Economic Affairs SECO



TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN
ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP

LOẠI HÌNH:

DOANH NGHIỆP
TỰ NHÂN



LỜI NÓI ĐẦU

“THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LÀ QUYỀN CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VÀ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BẢO HỘ”.

Trong khuôn khổ hoạt động của Dự án “Mở rộng các loại hình doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia” được tài trợ bởi Cục Hợp tác kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) và Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO), trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh – Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành biên soạn Bộ tài liệu “Hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp” nhằm mục đích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong quá trình tìm hiểu về các loại hình doanh nghiệp và chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cho việc đăng ký thành lập mới doanh nghiệp.

Với ý nghĩa đó, Bộ tài liệu được xây dựng thành 04 quyển, dành riêng cho từng loại hình doanh nghiệp, bao gồm: Quyển 1 – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Quyển 2 – Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyển 3 – Công ty cổ phần, Quyển 4 – Doanh nghiệp tư nhân. Đây là một tài liệu mang tính chất tham khảo, không phải là văn bản pháp lý.

Chúng tôi hy vọng rằng Bộ tài liệu sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho những doanh nhân tiềm năng trước khi khởi đầu công việc kinh doanh hay các cá nhân, tổ chức khác có nhu cầu tham khảo.

Nhân đây, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Cục Hợp tác kinh tế Liên bang Thụy Sĩ, Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc đã có những hỗ trợ hết sức thiết thực vì sự phát triển của lĩnh vực đăng ký kinh doanh ở Việt Nam nói riêng, khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam nói chung.

Cuối cùng, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của Quý độc giả để Bộ tài liệu này được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!



MỤC LỤC

1.	Những thông tin cơ bản cần tìm hiểu trước khi thành lập doanh nghiệp?	5
2.	Khái niệm và một số lưu ý về DNTN?	5
3.	Tại sao lựa chọn loại hình doanh nghiệp là DNTN?	5
4.	Quản lý DNTN	6
5.	Một số lưu ý về vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp	6
6.	Cho thuê doanh nghiệp	6
7.	Bán doanh nghiệp	7
8.	Chuyển đổi DNTN thành Công ty TNHH	7
9.	Phân biệt DNTN và Công ty TNHH một thành viên như thế nào?	8
10.	Đặt tên doanh nghiệp như thế nào cho đúng với quy định của pháp luật?	8
11.	Như thế nào được gọi là tên trùng, tên gây nhầm lẫn?	9
12.	Những điều cần biết về quy định đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp?	10
13.	Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập DNTN?	11
14.	Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh?	13
15.	Các nghĩa vụ của doanh nghiệp	14
16.	Một số văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh/liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh	15



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Doanh nghiệp tư nhân	DNTN
Công ty Trách nhiệm hữu hạn	Công ty TNHH
Đăng ký kinh doanh	ĐKKD
Đăng ký doanh nghiệp	ĐKDN
Đăng ký đầu tư	ĐKĐT

01. NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN CẦN TÌM HIỂU TRƯỚC KHI THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP?



Thành lập doanh nghiệp là bước khởi đầu, tạo lập công cụ để thực hiện một ý tưởng kinh doanh. Để đảm bảo doanh nghiệp của bạn sẽ là một công cụ kinh doanh hiệu quả và an toàn, trước tiên, bạn cần lưu ý tìm hiểu những thông tin cơ bản sau:

- Loại hình doanh nghiệp nào là phù hợp?
- Lựa chọn mô hình tổ chức quản lý nào?
- Lựa chọn tên doanh nghiệp như thế nào?
- Quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp ra sao?

Bộ tài liệu hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi trên. Ngoài ra, bạn có thể truy cập, tham khảo thêm thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ: <http://www.dangkykinhdoanh.gov.vn>.

Riêng cuốn tài liệu bạn đang có trên tay sẽ cung cấp cho bạn những thông tin cần thiết về loại hình Doanh nghiệp tư nhân

02. KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ LƯU Ý VỀ DNTN?



DNTN là một loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- DNTN không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.
- Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một DNTN. Chủ DNTN không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh.
- DNTN không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH hoặc công ty cổ phần.

03. TẠI SAO LỰA CHỌN LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP LÀ DNTN?



So với các loại hình doanh nghiệp khác, DNTN có ưu điểm như sau:

- Chủ DNTN có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật

04. QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN



- Chủ DNTN có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Trường hợp thuê người khác làm Giám đốc quản lý doanh nghiệp thì vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Chủ DNTN là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp.
- Chủ DNTN là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

05. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP



- Vốn đầu tư của chủ DNTN do chủ doanh nghiệp tự đăng ký. Chủ DNTN có nghĩa vụ đăng ký chính xác tổng số vốn đầu tư.
- Toàn bộ vốn và tài sản kể cả vốn vay và tài sản thuê được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình hoạt động, chủ DNTN có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư của mình vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tăng hoặc giảm vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán. Trường hợp giảm vốn đầu tư xuống thấp hơn vốn đầu tư đã đăng ký thì chủ DNTN chỉ được giảm vốn sau khi đã đăng ký với Cơ quan ĐKKD

06. CHO THUÊ DOANH NGHIỆP



- Chủ DNTN có quyền cho thuê toàn bộ doanh nghiệp của mình nhưng phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến Cơ quan ĐKKD, cơ quan thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành. Trong thời hạn cho thuê, chủ DNTN vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu và người thuê đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được quy định trong hợp đồng cho thuê.

07. BÁN DOANH NGHIỆP



- Chủ DNTN có quyền bán doanh nghiệp của mình cho người khác.
- Sau khi bán doanh nghiệp, chủ DNTN vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao doanh nghiệp, trừ trường hợp người mua, người bán và chủ nợ của doanh nghiệp có thỏa thuận khác.
- Người bán, người mua doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động.
- Người mua doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi chủ DNTN theo quy định.

08. CHUYỂN ĐỔI DNTN THÀNH CÔNG TY TNHH



DNTN có thể chuyển đổi thành Công ty TNHH theo quyết định của chủ DNTN nếu đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Doanh nghiệp;
- Chủ DNTN phải là chủ sở hữu công ty (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên);
- Chủ DNTN cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của DNTN và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;
- Chủ DNTN có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty TNHH được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó;
- Chủ DNTN cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của DNTN.

09. PHÂN BIỆT DNTN VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHƯ THẾ NÀO?



	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐIỂM KHÁC BIỆT	Không có tư cách pháp nhân	Có tư cách pháp nhân
	Tài sản của chủ sở hữu không tách biệt với tài sản của doanh nghiệp	Tài sản của chủ sở hữu tách biệt với tài sản của công ty
	Chủ doanh nghiệp tư nhân tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp	Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp <i>trong phạm vi số vốn cam kết góp</i> vào doanh nghiệp
	Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân đồng thời là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp	Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty (<i>trường hợp Điều lệ không quy định khác</i>)
	Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền bán, cho thuê toàn bộ doanh nghiệp của mình	Chủ sở hữu công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác

10. ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP NHƯ THẾ NÀO CHO ĐÚNG VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT?



QUY TẮC ĐẶT TÊN:

Tên doanh nghiệp = “Doanh nghiệp tư nhân” + “Tên riêng của doanh nghiệp”

Hoặc: **“DNTN” + “Tên riêng của doanh nghiệp”**

Hoặc: **“Doanh nghiệp TN” + “Tên riêng của doanh nghiệp”**

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

Ví dụ: Có thể đặt tên doanh nghiệp như sau: “Doanh nghiệp tư nhân Ngân Hà”; “DNTN Đại Phát”; “Doanh nghiệp TN Hoàng Z 123”.

TÊN DOANH NGHIỆP BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI VÀ TÊN VIẾT TẮT:

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh
- Tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài

Ví dụ: “DNTN An Khang” có thể sử dụng tên tiếng Anh là: “An Khang Private Enterprise”.

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành
- Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

CÁC YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN TÊN DOANH NGHIỆP:

- Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp
- Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành

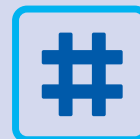
NHỮNG ĐIỀU CẤM TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP:

- Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký
- Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó
- Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc



LƯU Ý: Cơ quan ĐKKD có quyền quyết định chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan ĐKKD là quyết định cuối cùng.

11. NHƯ THẾ NÀO ĐƯỢC GỌI LÀ TÊN TRÙNG, TÊN GÂY NHẦM LẪN?



- Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
- Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - Tên tiếng Việt được đọc giống nhau;
 - Tên viết tắt trùng nhau;
 - Tên bằng tiếng nước ngoài trùng nhau;
 - Tên riêng trùng nhau;
 - Tên riêng chỉ khác nhau bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng của doanh nghiệp cùng loại chỉ khác với tên đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_” (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký).

12. NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP



• NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

- Doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả những ngành, nghề mà pháp luật không cấm
- Doanh nghiệp có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.
- Các hành vi bị nghiêm cấm: kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

• GHI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

- Trên Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ghi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp
- Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung ĐKDN hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Cơ quan ĐKKD hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN.
- Nếu doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi.
- Đối với những ngành, nghề không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.



NÊN

Lựa chọn đăng ký những ngành, nghề mà doanh nghiệp sẽ hoạt động



KHÔNG NÊN

Đăng ký quá nhiều ngành, nghề kinh doanh so với thực tế hoạt động sẽ dễ gây hiểu nhầm và làm giảm mức độ tin tưởng của đối tác, khách hàng về thể mạnh, lĩnh vực kinh doanh chính của công ty bạn.

13. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DNTN?



CHUẨN BỊ HỒ SƠ

1. Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp DNTN
2. Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ DNTN:
 - Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.
 - Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.

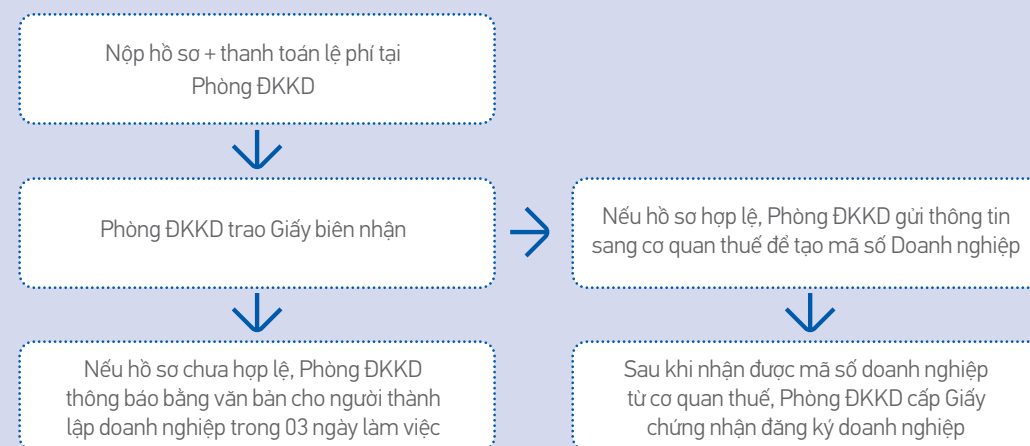
CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong hai phương thức nộp hồ sơ sau:

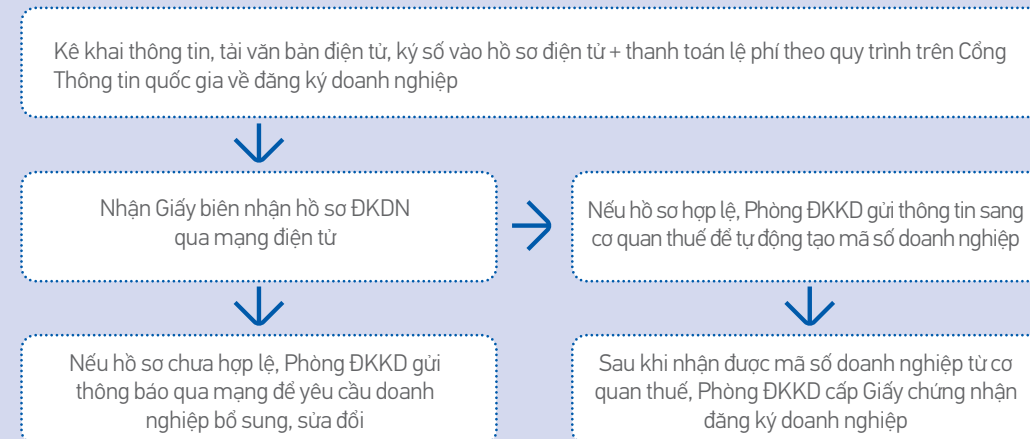
1. Nộp hồ sơ ĐKDN và lệ phí trực tiếp tại Phòng ĐKKD
2. Nộp hồ sơ ĐKDN và lệ phí qua mạng điện tử (sử dụng chữ ký số hoặc Tài khoản ĐKKD) theo quy trình trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

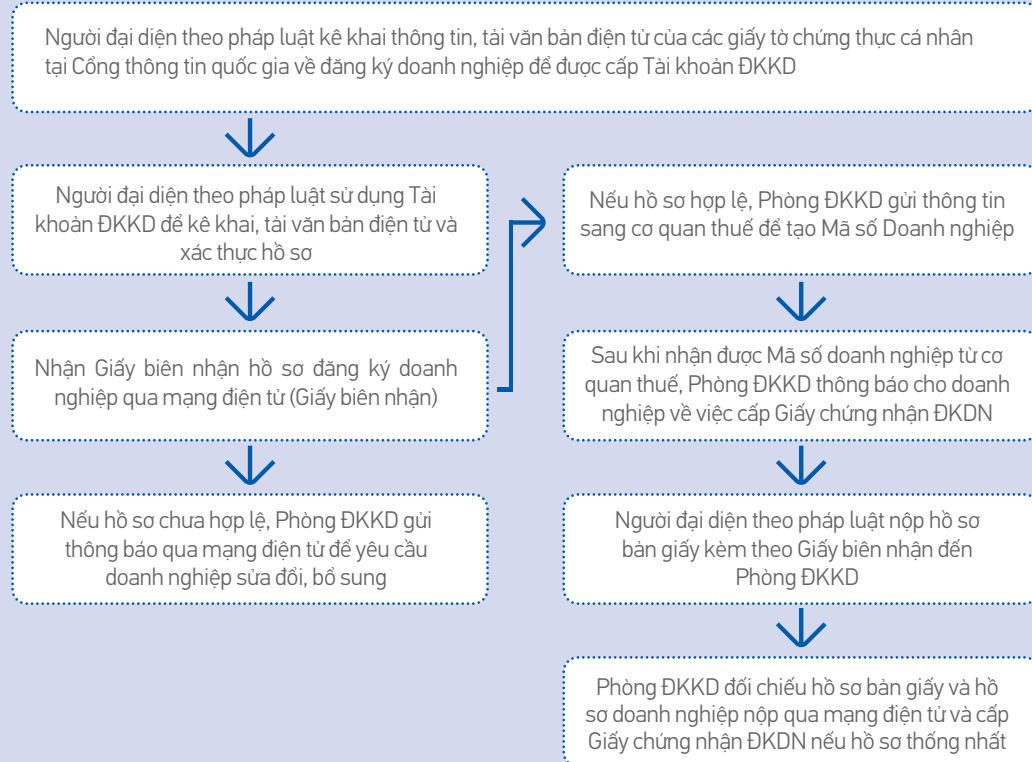
1. NẾU NỘP HỒ SƠ TRỰC TIẾP TẠI PHÒNG ĐKKD:



2. NẾU NỘP HỒ SƠ QUA MẠNG ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ:



3. NỘP HỒ SƠ QUA MẠNG ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN ĐKKD:



LƯU Ý:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hợp lệ được quy định tại Điều 36 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về ĐKDN
- Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng ĐKKD không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực
- Nếu bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng ĐKKD tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.
- Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử ở trên cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phải thông báo công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

Trường hợp thay đổi nội dung ĐKDN, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Thời hạn thông báo công khai các thông tin về doanh nghiệp nêu trên là 30 ngày, kể từ ngày được công khai.

PHÍ, LỆ PHÍ

Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 200.000đ; Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 300.000đ.

14. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH?



Doanh nghiệp có quyền lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài. Doanh nghiệp có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới hành chính.

Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính. Doanh nghiệp chỉ được lập địa điểm kinh doanh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh

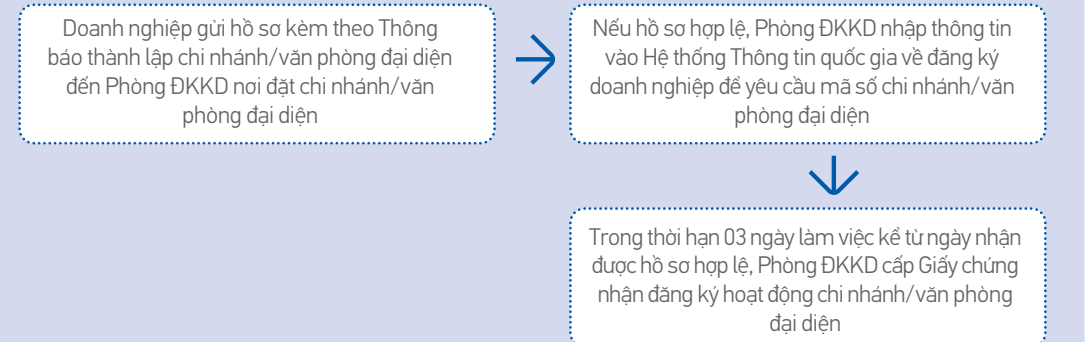
CHUẨN BỊ HỒ SƠ

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (Phụ lục II-11, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT);
- Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

- Nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện và lệ phí trực tiếp tại Phòng ĐKKD
- Nộp hồ sơ ĐKDN và lệ phí qua mạng điện tử (sử dụng chữ ký số hoặc Tài khoản ĐKKD) theo quy trình trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN



LƯU Ý: Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài thì thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp phải gửi Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài đến Phòng ĐKKD nơi doanh nghiệp đã đăng ký (Phụ lục II-12, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT). Kèm theo Thông báo phải có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN.

LỆ PHÍ

Lệ phí đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: 100.000đ

15. CÁC NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP



Để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp trong suốt vòng đời hoạt động, doanh nghiệp cần lưu ý thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ sau:

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.
3. Kế khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.
9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

16. MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH/LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH?



Để thành lập và vận hành doanh nghiệp đúng quy định của pháp luật, người thành lập doanh nghiệp cần tìm hiểu một số văn bản quy phạm pháp luật chính điều chỉnh/liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh sau:

- Luật Doanh nghiệp 2014
- Luật Đầu tư 2014
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế.

DỰ ÁN MỞ RỘNG CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUỐC GIA

Địa chỉ: 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043 848 9912